TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2017
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Đình Luật.
2. Bà Trịnh Thị Mai Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Hồng P, sinh năm: 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố Phước A, thị trấn P, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1966. (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố Phước A, thị trấn P, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Võ Hồng P trình bày:

Về hôn nhân: Ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1983, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện M, tỉnh B (Giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển số 01 ngày 30/12/2002). Mặc dù có những lúc cãi vã nhau, nhưng thời gian đầu sau khi sống chung vợ chồng rất hạnh phúc. Đến năm 2013, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2013 đến nay,

hai người đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt kinh tế cũng như tình cảm. Nay, ông Võ Hồng P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T.

Về con chung: Ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Kim T có 03 người con chung là Võ Thị Tường V, sinh năm: 1984; Võ Phước Đ, sinh năm: 1989 và Võ Thị Kim N, sinh năm: 1995. Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 17/5/2017, bị đơn Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân như ông Võ Hồng P trình bày là đúng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Võ Hồng P không còn, nên bà đồng ý ly hôn ông Võ Hồng P.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Võ Hồng P có 03 người con chung là Võ Thị Tường V, sinh năm: 1984; Võ Phước Đ, sinh năm: 1989 và Võ Thị Kim N, sinh năm: 1995. Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện M nhận định:

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Ông Võ Hồng P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 1, khu phố Phước A, thị trấn P, huyện M, tỉnh B. Xác định đây là vụ án có quan hệ tranh chấp về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về tố tụng:* Tại thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi khiện, bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim T theo luật định.

[4]. *Về hôn nhân:* Xác định hôn nhân của ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Kim T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi nhau, nên từ năm 2013 hai bên đã sống ly thân không còn quan hệ gì về mặt kinh tế cũng như tình cảm. Xét thấy hôn nhân của ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Kim T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có đủ cơ sở chấp nhận cho ông Võ Hồng P ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Kim T có 03 người con chung là Võ Thị Tường V, sinh năm: 1984; Võ Phước Đ, sinh năm: 1989 và Võ Thị Kim N, sinh năm: 1995. Hiện nay các con chung của ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Kim T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. *Về chia tài sản và nợ chung:* Ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Kim T khai không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì ông Võ Hồng P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Võ Hồng P được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim T.

2. Về con chung: Các con chung của ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Kim T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Võ Hồng P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004478 ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B. Ông Võ Hồng P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên

tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND thị trấn P, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Duy